

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 1216/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 30 tháng 8 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án Nâng cao chất lượng hoạt động của
Đài truyền thanh xã, phường, thị trấn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2012-2015

2235
419/12
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 22/2009/QĐ-TTg ngày 16 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình đến năm 2020;

Quyết định số 2406/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2012-2015;

Căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 40/2010/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, và ở thôn, tổ dân phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Đề án Nâng cao chất lượng hoạt động của Đài truyền thanh xã, phường, thị trấn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2012-2015 (Có Đề án chi tiết kèm theo)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Đề án này.

Điều 3: Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Văn Phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP, TKCT, Trưởng các phòng, đơn vị;
- + Lưu: VT, KT3.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Văn Hạnh

ĐỀ ÁN
NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA ĐÀI TRUYỀN THANH
XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN TỈNH BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2012-2015
(Kèm theo Quyết định số 1216 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2012
của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT, YÊU CẦU, CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Đài Truyền thanh xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Đài Truyền thanh xã) là một kênh thông tin quan trọng để đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thông tin về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng của đất nước, địa phương và thông báo về công tác chỉ đạo điều hành của cấp ủy, chính quyền cơ sở đến đông đảo người dân; là diễn đàn thể hiện quyền được biết, được bàn của nhân dân, đồng thời góp phần trang bị kiến thức, nâng cao dân trí, chống phá mọi âm mưu phản động của các thế lực thù địch, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tạo nên sức mạnh tổng hợp thực hiện thắng lợi công cuộc bảo vệ và xây dựng quê hương đất nước.

Đài Truyền thanh xã là đơn vị trực thuộc UBND cấp xã thực hiện chức năng là cơ quan tuyên truyền của đảng bộ, chính quyền cấp xã.

Nhiệm vụ chủ yếu của Đài Truyền thanh xã là biên tập chương trình tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị của địa phương và tiếp sóng các chương trình phát thanh của Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài PT&TH tỉnh và Đài Truyền thanh cấp huyện, đưa thông tin đến các tầng lớp nhân dân trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

Với đặc thù là thông tin nhanh nhạy các sự việc bằng âm thanh, Đài Truyền thanh xã có vai trò quan trọng đối với việc ổn định chính trị, an ninh, quốc phòng và phát triển kinh tế- xã hội. Thông qua hệ thống truyền thanh xã, người dân nắm bắt được đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tiếp cận với khoa học kỹ thuật, thị trường, tiếp nhận kiến thức về kinh tế, văn hóa, xã hội... Trên cơ sở đó, giúp người dân nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, đổi mới tư duy, phát triển kinh tế, nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm sâu sắc tới sự phát triển của ngành Phát thanh- Truyền hình trên phạm vi cả nước, trong đó có hệ thống truyền thanh ở địa phương, cơ sở. Nghị quyết số 26/NQ-TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã nêu rõ: *“Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, hài hòa giữa các vùng, tạo sự chuyển biến nhanh hơn ở các vùng có nhiều khó khăn”*. Một trong những nhiệm vụ mà Nghị quyết đề ra là: *“Nâng cao khả*

năng tiếp cận thông tin cho mọi vùng nông thôn, đặc biệt là miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo". Ngày 16/2/2009, Thủ tướng Chính phủ cũng đã phê duyệt Quy hoạch truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình đến năm 2020, trong đó xác định chỉ tiêu đến 2010 phải phủ sóng phát thanh AM-FM tới 100% dân cư, đảm bảo hầu hết các hộ dân có thể thu, nghe được các kênh chương trình phát thanh quảng bá.

Đối với tỉnh Bắc Giang, những năm qua, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã quan tâm đầu tư phát triển sự nghiệp phát thanh- truyền hình và truyền thanh cơ sở. Hầu hết các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đều có Đài Truyền thanh cấp xã; trong đó nhiều đài được đầu tư mới với trang thiết bị và công nghệ hiện đại.

Thời gian qua, Đài Truyền thanh xã đã có nhiều cố gắng trong việc tuyên truyền, chuyển tải thông tin tới các thôn, bản, tổ dân phố, cụm dân cư, các hộ gia đình về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thông tin về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh, huyện, xã, góp phần nâng cao dân trí, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh quốc phòng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền địa phương.

Tuy nhiên, hoạt động của hệ thống truyền thanh xã còn bộc lộ nhiều hạn chế, đó là: nội dung thông tin chưa phong phú; hình thức thể hiện còn đơn điệu, trang thiết bị kỹ thuật lạc hậu và xuống cấp nghiêm trọng; kinh phí duy trì hoạt động thấp; chính quyền một số địa phương chưa nhận thức rõ tầm quan trọng của hệ thống truyền thanh xã nên thiếu sự quan tâm cả về nhân lực và công tác quản lý. Mô hình tổ chức của Đài Truyền thanh xã trên địa bàn tỉnh chưa thống nhất, gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước, phát triển sự nghiệp, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống truyền thanh cơ sở.

Từ thực tiễn này cho thấy, việc xây dựng và thực hiện "**Đề án nâng cao chất lượng hoạt động của Đài Truyền thanh xã, phường, thị trấn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2012-2015**" là rất quan trọng và cần thiết, nhằm:

- Đánh giá tổng thể hiện trạng, xác định rõ khả năng phát triển, những mặt hạn chế để UBND tỉnh chỉ đạo, quản lý thống nhất góp phần làm cho hoạt động truyền thanh cơ sở phát huy tốt vai trò, chức năng, nhiệm vụ của mình, đồng thời giúp cấp ủy, chính quyền địa phương nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng và đáp ứng nhu cầu tiếp nhận thông tin ngày càng cao của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là đồng bào vùng núi, vùng dân tộc thiểu số trong tỉnh.

- Thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết 26/NQ-TW ngày 5/8/2008 của Ban chấp hành TW Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2010-2020.

- Cụ thể hóa Quyết định số 22/2009/QĐ-TTg ngày 16 tháng 2 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình đến 2020.

- Những quan điểm, mục tiêu, giải pháp cụ thể trong Đề án sẽ giúp cho hệ thống truyền thanh cơ sở hoạt động đúng định hướng, đúng pháp luật và tiếp tục phát triển mạnh mẽ, vững chắc.

- Là cơ sở để thực hiện thống nhất về cơ chế chính sách, nguồn nhân lực, trang thiết bị kỹ thuật; tập trung đầu mối quản lý các mục tiêu phát triển hệ thống truyền thanh cơ sở ở địa phương.

II. YÊU CẦU CỦA ĐỀ ÁN

Đề án nâng cao chất lượng hoạt động Đài Truyền thanh xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2012-2015 phải:

- Đảm bảo tính khả thi, phù hợp với Quy hoạch truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình toàn quốc; Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2010-2020.

- Kế thừa và tận dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị của hệ thống truyền thanh xã hiện có, đồng thời xác định rõ nguồn lực và triển khai thực hiện đầu tư, cải tạo, nâng cấp các Đài Truyền thanh xã trên địa bàn tỉnh theo hướng đồng bộ và chất lượng.

- Đảm bảo nguồn nhân lực có chuyên môn, nghiệp vụ; xây dựng mô hình tổ chức phù hợp nhằm khai thác, vận hành có hiệu quả hệ thống truyền thanh cấp xã.

III. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Quyết định số 22/2009/QĐ-TTg ngày 16/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình đến năm 2020;

- Quyết định số 2406/QĐ-TTg ngày 18/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2012-2015;

- Nghị quyết số 40/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, và ở thôn, tổ dân phố;

- Nghị quyết số 31/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2011 của các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang;

- Nghị quyết số 35/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Bắc Giang;

- Kế hoạch số 985/KH- UBND ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo giai đoạn 2011-2015;

- Căn cứ kết quả cuộc điều tra dịch vụ điện thoại, internet và nghe nhìn tỉnh Bắc Giang năm 2010.

Phần thứ hai **NỘI DUNG ĐỀ ÁN**

I. THỰC TRẠNG HỆ THỐNG TRUYỀN THANH XÃ

1. Về cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động còn thiếu thốn, hạn chế. Trên 50% đài cơ sở không có phòng làm việc riêng, không có phòng máy, phòng đọc để làm chương trình. Do được bố trí làm việc cùng với các ban, ngành khác hoặc ở một góc hội trường UBND xã nên hoạt động gặp nhiều khó khăn, trang thiết bị nhanh bị xuống cấp.

2. Về trang thiết bị và phương tiện hoạt động

Toàn tỉnh hiện có 215/230 xã, phường, thị trấn có đài truyền thanh. Trong đó, đài truyền thanh hữu tuyến (có dây) là: 124 và đài truyền thanh vô tuyến (không dây) là: 91.

Từ 2008-2011 bằng nhiều nguồn lực, các địa phương đã đầu tư cải tạo nâng cấp 37 đài truyền thanh cơ sở (trong đó loại có dây là: 6 đài và không dây là: 31đài); đầu tư bổ sung thiết bị 37 đài truyền thanh. Tổng kinh phí đầu tư trong 04 năm gần đây khoảng 10 tỷ đồng.

Tuy nhiên, phần lớn trang thiết bị của đài đã xuống cấp và hư hỏng nặng, nhiều máy tăng âm đã sử dụng trên 10 năm; một số máy phát sóng FM hư hỏng không được sửa chữa; hệ thống dây, loa, cùm thu FM do xuống cấp đang dần bị thu hẹp; các thiết bị chuyên dùng khác như Radiocassette, Micro, anten thu, phát... cũ kỹ, lạc hậu v.v... nên diện tích phủ sóng truyền thanh nhiều nơi chỉ đạt 30-50 % số hộ dân trong xã. (Chi tiết tại biểu số 01)

3. Về tổ chức bộ máy và nhân sự

Toàn tỉnh có 275 cán bộ làm việc tại Đài Truyền thanh xã. 100% đài cấp xã đều có cán bộ phụ trách, trong đó 80% đài xã bố trí 01 cán bộ phụ trách theo quy định của tỉnh (Nghị quyết số 40/2010/NQ-HĐND của HĐND tỉnh); 20 % xã, phường, thị trấn vận dụng bố trí thêm cán bộ kiêm nhiệm từ 2-3 người/xã.

Về trình độ chuyên môn: 135 cán bộ có trình độ từ trung cấp trở lên (chiếm 49%), nhưng nhiều người được đào tạo không đúng chuyên ngành phù hợp.

(Chi tiết tại biểu số 02)

Về chế độ phụ cấp: Về cơ bản các xã chi trả phụ cấp Trưởng đài Truyền thanh bằng hệ số 1.0 lương cơ bản (1.050.000 đ/ tháng) theo đúng Nghị quyết số 40/2010/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, một số ít vận dụng chi trả mức cao hơn (khoảng 1,2 triệu đồng/ tháng). Do phụ cấp chỉ được một triệu đồng/tháng lại không có chế độ BHXH nên phần lớn cán bộ đài truyền thanh làm việc hiệu quả thấp, một số chờ cơ hội để chuyển làm việc khác.

Về mối quan hệ giữa Đài truyền thanh với các cơ quan liên quan: Đài truyền thanh xã chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của UBND cấp xã, sự quản lý nhà nước của Phòng Văn hóa, Thông tin huyện và sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Đài Truyền thanh huyện.

4. Nội dung, chương trình hoạt động

a. Tiếp âm đài cấp trên:

Có 150 đài (chiếm 70%) số đài xã tiếp âm đủ đài cấp trên (TW, tỉnh, huyện) với thời lượng từ 1- 3 giờ/ngày vào các buổi sáng, chiều. Nội dung tiếp âm gồm chương trình thời sự, ca nhạc v.v...

Còn lại 65 đài (chiếm 30%) không tiếp âm Đài Tiếng nói Việt Nam và Đài PT&TH tỉnh. Nguyên nhân do máy phát kém chất lượng, tín hiệu thu yếu hoặc UBND xã thiếu kiểm tra, giám sát việc này.

b. Sản xuất chương trình tuyên truyền:

Ngoài việc tiếp âm Đài cấp trên, mỗi tuần Đài Truyền thanh xã sản xuất từ 01 đến 03 chương trình để tuyên truyền đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; thông tin những văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền địa phương.

5. Về kinh phí

Kinh phí đầu tư cho hoạt động của Đài Truyền thanh xã đã cấp cân đối vào ngân sách địa phương, theo Nghị quyết số 31/2010/NQ-HĐND của HĐND tỉnh với 03 mức: xã trung du: 25 triệu đồng/xã/năm, xã miền núi: 30 triệu đồng/xã/năm, xã vùng cao 37,5 triệu đồng xã/năm. Tuy nhiên, việc quản lý kinh phí không thống nhất:

- + Có 9/10 huyện, thành phố bố trí kinh phí vào ngân sách cấp xã quản lý.
- + Riêng huyện Lục Ngạn giao Đài Truyền thanh huyện quản lý một phần (20 triệu/xã) số còn lại giao ngân sách xã chi phụ cấp cán bộ đài truyền thanh.

Về sử dụng kinh phí: có khoảng 70% số xã chi đủ hạn mức theo Nghị quyết số 31/2010/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, 30% số xã chi không đủ hạn mức kinh phí đã phân bổ.

6. Công tác quản lý nhà nước về hoạt động của Đài Truyền thanh xã

Đài Truyền thanh xã do UBND cấp xã trực tiếp quản lý. Thời gian gần đây công tác quản lý nhà nước đối với hệ thống truyền thanh cấp xã bị buông lỏng, chưa quan tâm tới việc quy hoạch, củng cố phát triển mạng lưới truyền thanh xã. Phòng Văn hóa, Thông tin các huyện, thành phố với vai trò giúp UBND huyện, thành phố quản lý nhà nước đối với Đài Truyền thanh xã nhưng còn nhiều hạn chế, chưa chủ động tham mưu, đề xuất để ban hành các văn bản chỉ đạo, quản lý, kiểm tra và nâng cao chất lượng hoạt động của Đài Truyền thanh xã. UBND cấp xã là đơn vị trực tiếp quản lý đài truyền thanh xã nhưng nhiều nơi thiếu kiểm tra, giám sát nên hoạt động của đài truyền thanh không thường xuyên, nhiều nơi không tổ chức tiếp âm đài cấp trên.

Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền địa phương về Đài Truyền thanh xã chưa đầy đủ nên chưa quan tâm đầu tư và tạo điều kiện cho đài hoạt động. Trách nhiệm của một số cán bộ phụ trách đài truyền thanh chưa cao.

7. Đánh giá chung

Được sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp và sự cố gắng của đội ngũ cán bộ phụ trách đài truyền thanh nên nhiều nơi hoạt động của đài truyền thanh đã góp phần quan trọng vào tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền địa phương.

Tuy nhiên, hoạt động của Đài Truyền thanh cấp xã, phường, thị trấn còn nhiều hạn chế và một số nơi hoạt động yếu. Cơ sở vật chất, trang thiết bị nhiều nơi đã xuống cấp chưa được đầu tư, sửa chữa kịp thời.

Tình hình trên có nhiều nguyên nhân.

Về khách quan: do thời gian gần đây các phương tiện thông tin đại chúng ngày càng phong phú, đa dạng, chất lượng dịch vụ ngày càng đáp ứng nhu cầu của người dân nên nhiều nơi không quan tâm củng cố, phát huy vai trò của Đài Truyền thanh xã. Riêng huyện Yên Dũng có chủ trương phát triển hệ thống truyền thanh thôn thay cho truyền thanh xã.

Về chủ quan: thời gian gần đây công tác quản lý nhà nước đối với hệ thống truyền thanh cấp xã bị buông lỏng, chưa quan tâm tới việc quy hoạch, củng cố phát triển mạng lưới truyền thanh xã. Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền địa phương về Đài Truyền thanh xã chưa đầy đủ nên chưa quan tâm đầu tư và tạo điều kiện cho đài hoạt động. Trách nhiệm của một số cán bộ phụ trách đài truyền thanh chưa cao.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao chất lượng hoạt động của Đài Truyền thanh xã, nhằm mở rộng diện phủ sóng phát thanh địa phương, tăng tính đồng bộ về công nghệ truyền thanh, rút ngắn khoảng cách về hưởng thụ thông tin, tuyên truyền giữa các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; tăng cường tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền cấp xã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân các dân tộc trong tỉnh và đảm bảo an ninh quốc phòng ở cơ sở.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2015

2.1 Đảm bảo 100% các xã, phường, thị trấn có đài truyền thanh hoạt động. Trong đó 70 - 80% Đài Truyền thanh xã hoạt động tốt; diện tích phủ sóng đạt 70 - 80% số hộ dân trên địa bàn xã.

2.2 Có 80% Đài Truyền thanh xã trở lên được bố trí phòng làm việc riêng, từng bước đầu tư trang thiết bị và phương tiện làm việc đảm bảo nâng cao chất lượng hoạt động.

2.3 Huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng mới 15 Đài Truyền thanh xã thuộc huyện Yên Dũng và cải tạo, nâng cấp 141 Đài truyền thanh xã ở 9 huyện, thành phố.

2.4 Mỗi đài xã có từ 2-3 cán bộ kiêm nhiệm, trong đó Trưởng đài có trình độ trung cấp trở lên phù hợp với chuyên ngành đào tạo; hàng năm cán bộ đài truyền thanh xã được tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ.

2.5 Bố trí đủ hạn mức kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động của Đài Truyền thanh xã theo Nghị quyết số 31/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

III. NHIỆM VỤ

1. Từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ

a. Lựa chọn, bố trí chức danh Trưởng đài Truyền thanh xã

Trên cơ sở tiêu chuẩn cán bộ, sẽ từng bước tuyển chọn, bố trí cán bộ có chuyên môn phù hợp và nhiệt tình, trách nhiệm với công việc được giao làm Trưởng đài Truyền thanh xã.

b. Lựa chọn, bổ sung cán bộ làm việc kiêm nhiệm tại Đài Truyền thanh xã

Bên cạnh chức danh Trưởng đài Truyền thanh xã, UBND các xã cần vận dụng để lựa chọn một số cán bộ có khả năng tham gia làm phát thanh viên và cán bộ kỹ thuật hoạt động kiêm nhiệm tại Đài Truyền thanh cấp xã.

c. Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức

Hàng năm Sở Thông tin và Truyền thông sẽ chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về nghiệp vụ cho số cán bộ đang làm việc tại đài truyền thanh cơ sở và cộng tác viên của Đài Truyền thanh xã.

***Nội dung và phương thức:**

Nội dung tập huấn: Bồi dưỡng về kiến thức, cách thức viết tin, bài, phương pháp xây dựng một chương trình phát thanh cơ sở; kiến thức cơ bản về máy móc, thiết bị, công tác vận hành, bảo quản, sửa chữa nhỏ v.v.

Phương thức tổ chức: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố tổ chức tập huấn, bồi dưỡng theo các lớp chuyên ngành tại huyện, thành phố.

Dự kiến số lượng các lớp: Mỗi năm mở 20 lớp đào tạo, bồi dưỡng (mỗi huyện 02 lớp trong đó 01 lớp về nghiệp vụ tin, bài; 01 lớp về kỹ thuật máy móc). Tổng số đối tượng dự kiến khoảng 700 người/ năm; bình quân mỗi lớp tập huấn, bồi dưỡng 35 người trong đó:

- Viết tin, bài: 02 người/xã x 230 xã = 460 người

- Kỹ thuật: 01 người/xã x 230 xã = 230 người

Thời gian tập huấn nghiệp vụ: mỗi lớp 03 ngày

Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng là: 1.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số: 03)

2. Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị

a. Phòng để máy móc, thiết bị và làm việc

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, UBND các xã, phường, thị trấn ưu tiên bố trí phòng để thiết bị và làm việc cho Đài Truyền thanh xã 01 phòng riêng có diện tích từ 15-20 m²; từng bước đầu tư trang thiết bị như bàn, ghế, cách âm, chống ồn, máy vi tính và phương tiện hoạt động nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng hoạt động.

b. Đầu tư mới và nâng cấp thiết bị các Đài Truyền thanh xã hiện có

+ Đầu tư mới 15 đài truyền thanh ở các xã hiện chưa có đài thuộc huyện Yên Dũng

+ Cải tạo, nâng cấp 141 đài hiện có theo hướng bổ sung thêm hoặc thay mới máy tăng âm hoặc máy phát sóng; bổ sung hoặc thay mới dây dẫn, các cụm loa; mua bổ sung các thiết bị chuyên dùng ...

Phương án lựa chọn giải pháp công nghệ:

- Đối với các xã miền núi, địa bàn rộng đầu tư thiết bị máy phát sóng FM và các cụm loa không dây. Phương án này chi phí thấp so với đầu tư truyền thanh dây nhưng có nhược điểm là hay bị sự cố kỹ thuật khi xử lý gặp khó khăn.

- Đối với các xã trung du, thị trấn và các phường lựa chọn giải pháp truyền thanh có dây sẽ phát huy hiệu quả cao và ít gặp sự cố về kỹ thuật, vận hành đơn giản, phù hợp với đội ngũ cán bộ hiện có. Phương án này có hạn chế là chi phí đầu tư cao.

Phương án đầu tư trang thiết bị:

Lựa chọn thiết bị đầu tư đáp ứng những yêu cầu sau:

- Các thiết bị được đầu tư là những thiết bị sử dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến đảm bảo không bị lạc hậu trong vòng 5 đến 10 năm nữa, có khả năng mở rộng, nâng cấp sau này.

- Đảm bảo tương thích, kết hợp hoạt động tối đa với các thiết bị hiện có.

- Hệ thống thiết bị đầu tư phải thuận lợi cho việc khai thác, sử dụng phù hợp với trình độ cán bộ cấp xã.

Đặc tính, thông số kỹ thuật của trang thiết bị đầu tư:

* Trang thiết bị đầu tư 01 trạm truyền thanh vô tuyến FM:

1. Máy phát thanh FM stereo công suất 50w đến 100W dải tần 54MHz - 68MHz

2. Hệ thống anten phát sóng FM 2 Dipol dải rộng

3. Bộ thu tín hiệu FM không dây kỹ thuật số công suất 25W x 2 loa có giải mã tín hiệu

4. Radio cassette 01 ổ đĩa, 01 cửa băng CFD 350 Sony hoặc tương đương

5. Micro + chân đế

6. Ổ cắm Lioa loại 5 lỗ

7. Dây dẫn loa, loại dây đôi có cáp chịu lực 0,75mm x 2

8. Bộ chuyển mạch âm thanh 4 kênh Stereo
9. Bộ mã điều khiển từ xa 99 nhóm vùng, linh kiện ngoại
10. Hệ thống thu FM phát lại trực tiếp
11. Loa phóng thanh 25W điện thông Việt Nam hoặc Trung Quốc SX
12. Cáp dẫn sóng 1/2'' 2 đầu rắc N
13. Cột anten tam giác 300 x 300 x 300 cao 21m có 3 tầng dây néo
14. Ổn áp Lioa dải rộng 2KVA 1 pha
15. Hệ thống tiếp địa và chống sét
16. Tủ đựng thiết bị bằng tôn, sơn tĩnh điện, có các ô chia để đặt thiết bị

** Trang thiết bị đầu tư 01 trạm truyền thanh hữu tuyến:*

1. Máy tăng âm 1000 W
2. Radio cassette, 01 ổ đĩa, 01 cửa băng CFD 350 Sony hoặc tương đương
3. Ổn áp Lioa dải rộng 5 KVA một pha
4. Bảng táp lô điện, cắt sét, tiếp địa dây, ổ cắm và đường truyền tín hiệu
5. Micro + chân đế
6. Ổ cắm Lioa loại 5 lỗ
7. Dây dẫn loa truyền thanh (loại cáp chuyên dùng cho truyền thanh)
8. Bộ chuyển mạch âm thanh 4 kênh Stereo
9. Loa phóng thanh 25 W Điện thông Việt Nam hoặc Trung Quốc SX
10. Biến áp phối hợp trở kháng loa
11. Cột dây dẫn loa và treo loa L63 x 6
12. Dây sắt mạ 02 ly
13. Hệ thống tiếp địa phòng máy
14. Dây đầu loa và biến áp loa
15. Sứ cách điện
16. Dây hãm cô sứ

(Chi tiết về đặc tính thông số kỹ thuật tại biểu số 04)

Về kinh phí đầu tư:

- Đầu tư xây dựng mới 01 đài truyền thanh không dây phát sóng FM là: 200 triệu đồng (*Chi tiết tại biểu số:05*)

- Đầu tư xây dựng mới 01 đài truyền thanh có dây là: 378 triệu đồng (*Chi tiết tại biểu số:06*)

- Kinh phí đầu tư để cải tạo, nâng cấp dự kiến bằng 50% suất đầu tư mới tương ứng với loại thiết bị truyền thanh có dây và không dây cụ thể là:

+ Cải tạo nâng cấp 01 đài truyền thanh không dây là: 100 triệu đồng

+ Cải tạo nâng cấp 01 đài truyền thanh có dây là: 189 triệu đồng

Dự kiến kinh phí đầu tư mới và cải tạo nâng cấp thiết bị là: 25.333 triệu đồng, trong đó:

- Xây dựng mới 15 đài truyền thanh có dây: 5.670 triệu đồng

- Cải tạo, nâng cấp 67 đài truyền thanh có dây: 12.663 triệu đồng

- Cải tạo, nâng cấp 74 đài truyền thanh không dây: 7.000 triệu đồng

3. Đổi mới nội dung, chương trình phù hợp với nhu cầu ngày càng cao của nhân dân và sự chỉ đạo, điều hành của địa phương

Hệ thống đài xã là công cụ của Đảng bộ và chính quyền địa phương trong công tác phổ biến, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và địa phương nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội vì vậy việc tuyên truyền cần hướng vào các nội dung có liên quan trực tiếp đến người dân, các nhiệm vụ chính trị và yêu cầu chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền địa phương. Nội dung tuyên truyền nên ngắn gọn, dễ hiểu phù hợp với tình hình địa phương. Mặt khác cần chú ý đến nhu cầu của nhân dân là giọng đọc phải hay, chất lượng âm thanh phải chuẩn...

Hàng tuần, mỗi Đài sản xuất từ 2-3 chương trình địa phương đồng thời thực hiện tốt việc tiếp âm, tiếp sóng chương trình thời sự Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài PT&TH Bắc Giang và Đài Truyền thanh cấp huyện, thành phố.

Đảm bảo các đài hoạt động thường xuyên 02 buổi/ngày; mỗi buổi từ 30- 60 phút.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tổng kinh phí: 26.333 triệu đồng

Trong đó: - Đào tạo bồi dưỡng: 1.000 triệu đồng

- Xây mới và cải tạo, nâng cấp trang thiết bị: 25.333 triệu đồng

2. Nguồn kinh phí:

Nguồn kinh phí được huy động từ:

- *Trung ương*: dự kiến 4.600 triệu đồng (Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở, vùng núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo)

- *Ngân sách địa phương*: tỉnh, huyện, xã: 21.733 triệu đồng

Trong đó: + Ngân sách cấp tỉnh: 6.000 triệu đồng (mỗi năm 02 tỷ đồng)

+ Ngân sách cấp huyện, xã và lồng ghép các nguồn khác (Xây dựng nông thôn mới ...): 15.733 triệu đồng

Phương án bố trí kinh phí được dự kiến như sau:

- *Chương trình mục tiêu quốc gia*:

+ Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ: 600 triệu đồng

+ Đầu tư cải tạo nâng cấp 40 đài truyền thanh xã (26 đài thuộc xã đặc biệt khó khăn và 14 đài thuộc xã vùng cao). Dự kiến kinh phí là: **4.000** triệu đồng;

- *Ngân sách địa phương:*

+ Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng **400** triệu đồng;

+ Đầu tư xây mới (15 đài xã) và cải tạo nâng cấp (101 đài xã) với dự kiến kinh phí là: **21.333** triệu đồng

(Chi tiết tại biểu số:07)

3. Phân kỳ đầu tư:

a. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ:

- Năm 2012 tổ chức 10 lớp, mỗi huyện 01 lớp. Kinh phí dự kiến **150** triệu đồng. Nguồn kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Năm 2013 – 2015 mỗi năm tổ chức 20 lớp (mỗi huyện, TP 02 lớp). Dự kiến kinh phí 283 triệu đồng / năm x 03 năm = 849 triệu đồng (làm tròn **850** triệu đồng). Nguồn kinh phí từ chương trình mục tiêu quốc gia và ngân sách địa phương.

b. Xây mới và cải tạo, nâng cấp trang thiết bị:

- Năm 2012: Do đã phân bổ, giao kế hoạch ngân sách cho địa phương từ đầu năm nên dự kiến cải tạo, nâng cấp 10 Đài Truyền thanh xã, thị trấn được cân đối từ kinh phí của huyện, xã. Kinh phí dự kiến: **500** triệu đồng

- Năm 2013: Đầu tư xây dựng mới 05 Đài và hỗ trợ cải tạo, nâng cấp 40 Đài Truyền thanh xã. Kinh phí dự kiến: **7.750** triệu đồng

- Năm 2014: Xây mới 05 Đài và cải tạo, nâng cấp 45 Đài Truyền thanh xã. Kinh phí dự kiến: **8.250** triệu đồng

- Năm 2015: Xây mới 05 Đài và cải tạo, nâng cấp 46 Đài Truyền thanh xã. Kinh phí dự kiến: **8.833** triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số: 08 và 09)

V. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Làm tốt công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động của Đài Truyền thanh xã

Xây dựng quy hoạch phát triển hệ thống truyền thanh xã, truyền thanh thôn, bản gắn với quy hoạch phát triển báo chí, phát thanh, truyền hình, truyền thanh tỉnh Bắc Giang đến năm 2020.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với Đài Truyền thanh cấp xã như ban hành văn bản hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và hoạt động của đài xã. Thường xuyên có định hướng về nội dung tuyên truyền, tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá xếp loại hoạt động và tổ chức phong trào thi đua trên địa bàn huyện. Hàng năm có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và xử lý kỹ thuật cho cán bộ truyền thanh cơ sở. Kiến nghị bổ sung cơ chế hoạt động, kinh phí hỗ trợ cho phù hợp với tình hình địa phương.

Cấp ủy, chính quyền các xã, phường, thị trấn cần thường xuyên có kế hoạch chỉ đạo và kiểm tra, giám sát hoạt động của đài truyền thanh cơ sở. Hàng tháng định hướng nội dung tuyên truyền và chỉ đạo các ngành, đoàn thể tham gia cung cấp nội dung tuyên truyền trên đài truyền thanh địa phương.

Mỗi quý một lần, UBND xã nghe tình hình hoạt động của Đài Truyền thanh và có biện pháp chỉ đạo để đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng hoạt động.

3. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và cải tạo, nâng cấp trang thiết bị

Trước mắt UBND các xã, phường, thị trấn ưu tiên bố trí phòng 01 phòng để thiết bị và làm việc riêng cho đài truyền thanh; từng bước bổ sung trang thiết bị đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Có kế hoạch đầu tư kinh phí để cải tạo, nâng cấp trang thiết bị theo đề án này.

4. Lựa chọn và bố trí cán bộ phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ được giao

Theo Nghị quyết 40/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang mỗi Đài Truyền thanh xã có 01 cán bộ không chuyên trách đảm nhiệm các việc: *Thông tin tuyên truyền, quản lý nhà văn hóa, thư viện và thể thao*. Do đó mỗi xã bố trí ít nhất 01 cán bộ phụ trách Đài Truyền thanh xã. Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, những nơi có điều kiện, UBND xã nghiên cứu bố trí thêm 1-2 cán bộ kiêm nhiệm để thực hiện nhiệm vụ của đài truyền thanh theo hướng từng bước tiêu chuẩn hóa cán bộ.

Từng bước đưa chức danh Trưởng đài là viên chức sự nghiệp công tác tại xã, phường, thị trấn, tạo điều kiện để họ yên tâm công tác gắn bó lâu dài với sự nghiệp truyền thanh địa phương.

5. Đảm bảo kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động của Đài Truyền thanh xã theo phân bổ ngân sách và định mức của HĐND tỉnh (Nghị quyết số 31/2010/NQ-HĐND)

Cụ thể là: xã trung du: 25 triệu đồng/xã/năm; xã miền núi: 30 triệu đồng/xã/năm; xã vùng cao: 37,5 triệu đồng/xã/năm.

Phần thứ ba TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Là cơ quan chủ trì quản lý việc thực hiện Đề án nâng cao chất lượng hoạt động của Đài Truyền thanh cấp xã tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2012-2015.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn thực hiện các nội dung nhiệm vụ trong Đề án.

- Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, các đơn vị có liên quan tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ phụ trách truyền thanh xã và các đối tượng có liên quan.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Đề án; định kỳ báo cáo kết quả với UBND tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Bố trí nguồn vốn đầu tư ngân sách của tỉnh và nguồn từ chương trình mục tiêu quốc gia để triển khai thực hiện Đề án.

3. Sở Tài chính:

Cân đối nguồn vốn ngân sách tỉnh hàng năm bố trí hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện, thành phố để thực hiện đề án. Hướng dẫn và giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí theo đề án đảm bảo đúng quy định và hiệu quả.

4. Sở Nội vụ:

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu giúp UBND tỉnh quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ phụ trách Đài Truyền thanh cấp xã.

5. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh:

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ phụ trách đài truyền thanh cấp xã và các đối tượng khác có liên quan giai đoạn 2012-2015.

Tranh thủ nguồn lực hỗ trợ từ Trung ương xây dựng thực hiện các dự án nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật hỗ trợ cho các Đài Truyền thanh cấp huyện và cấp xã triển khai thực hiện hoàn thành đề án này.

6. UBND các huyện, thành phố:

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án trên địa bàn huyện, thành phố; hàng năm bố trí ngân sách để thực hiện các nội dung của đề án tại địa phương mình.

- Chỉ đạo Đài Truyền thanh huyện hướng dẫn và hỗ trợ hoạt động của Đài Truyền thanh xã về chuyên môn, nghiệp vụ.

- Chỉ đạo Phòng Văn hóa-Thông tin các huyện, thành phố phối hợp với Ban Tuyên giáo huyện ủy, thành ủy định hướng thông tin đối với các Đài Truyền thanh cấp xã; tăng cường công tác quản lý nhà nước, theo dõi, đánh giá hoạt động của đài truyền thanh xã định kỳ báo cáo với UBND huyện và Sở Thông tin và Truyền thông.

7. UBND các xã, phường, thị trấn:

Xây dựng kế hoạch thực hiện đề án; tập trung chỉ đạo, đầu tư, nâng cấp và quản lý các hoạt động nhằm phát huy hiệu quả của hệ thống truyền thanh cơ sở. /

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Văn Hạnh

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

Biểu 01:**SỐ LƯỢNG VÀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐÀI TRUYỀN THANH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

STT	Đơn vị	Tổng số Đài TT xã, phường thị trấn	Chia ra		Chất lượng thiết bị			Tình trạng hoạt động		Ghi chú
			Hữu tuyến	Vô tuyến	Còn tốt	Đã xuống cấp	Thường xuyên	Không thường xuyên		
	Tỉnh Bắc Giang	215	121	94	74	141	169	46		
1	TP Bắc Giang	16	15	01	14	02	16	0		
2	Huyện Yên Thế	21	09	12	08	13	17	4		
3	Huyện Tân Yên	24	24	0	03	21	20	4		
4	Huyện Lạng Giang	23	18	5	11	12	21	2		
5	Huyện Lục Nam	27	07	20	08	19	22	5		
6	Huyện Lục Ngạn	30	01	29	08	22	26	4		
7	Huyện Sơn Động	23	01	22 *	05	18	13	10		
8	Huyện Yên Dũng	6	05	01	0	06	0	6		
9	Huyện Việt Yên	19	17	02	03	16	15	4		
10	Huyện Hiệp Hòa	26	24	02	14	12	19	7		

Chú thích: Trong 22 xã của huyện Sơn Động có đài vô tuyến (sóng FM) thì 12 xã vẫn có hệ thống truyền thanh dây và hoạt động song song cả 02 hệ. Riêng xã Thạch Sơn đã có thiết bị phát sóng FM nhưng chưa đưa vào sử dụng vì chưa có điện.

Biểu 02:**HIỆN TRẠNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ**

STT	Đơn vị	Tổng số cán bộ	Trong đó			Trình độ đào tạo				Ghi chú
			Trưởng Đái	Biên tập phát thanh	Kỹ thuật	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Chưa qua đào tạo	
1	Tỉnh Bắc Giang	275	215	37	23	14	12	109	140	
2	TP Bắc Giang	42	16	19	7	6	5	19	12	
3	Huyện Yên Thế	21	21	0	0	1	0	18	2	
4	Huyện Tân Yên	28	24	02	02	2	1	0	25	
5	Huyện Lạng Giang	46	23	12	10	0	1	2	43	
6	Huyện Lục Nam	35	27	04	04	0	0	35	0	
7	Huyện Lục Ngạn	30	30	0	0	0	0	4	26	
8	Huyện Sơn Động	23	23	0	0	0	0	3	20	
9	Huyện Yên Dũng	06	06	0	0	0	0	6	0	
10	Huyện Việt Yên	19	19	0	0	1	3	15	0	
11	Huyện Hiệp Hòa	26	26	0	0	4	2	8	12	

Biểu 03:

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐÀO TẠO TẬP HUẤN CÁN BỘ
(Một lớp 35 người, thời gian 03 ngày)

Đơn vị : đồng

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền	Ghi chú
01	Biên soạn và photo tài liệu	Cuốn	35	20.000	700.000	NQ 35/2010/NQ-HDND ngày 10/12/2010 của HDND tỉnh
02	Bồi dưỡng giảng viên	Người	02 x 3 ngày	500.000	3.000.000	TT 139/2010/BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài Chính
03	Hỗ trợ tiền ăn học viên	Người	35 x 3 ngày	70.000	7.350.000	TT 139/2010/BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài Chính
04	Chi nước uống	Người	35 x 3 ngày	20.000	2.100.000	NQ 35/2010/NQ-HDND ngày 10/12/2010 của HDND tỉnh
05	Chi khác (thuê máy móc, thiết bị ...)				1.000.000	TT 139/2010/BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài Chính
	Tổng cộng				14.150.000	

Ghi chú:

Năm 2012:

Do mới phê duyệt Đề án nên tình chưa có kinh phí phân bổ, nên việc tổ chức lớp học 10 lớp x 15.000.000 đ = 150.000.000 đ (Chi riêng nguồn từ CTMT)

Năm 2013: Tổ chức 20 lớp x 14.150.000 đ = 283.000.000 đ

Năm 2014: Tổ chức 20 lớp x 14.150.000 đ = 283.000.000 đ

Năm 2015: Tổ chức 20 lớp x 14.150.000 đ = 283.000.000 đ

Tổng kinh phí chi đào tạo, bồi dưỡng là: 999.000.000 đồng (làm tròn 1.000 triệu đồng)



Biểu số 04:

ĐẶC TÍNH THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA TRANG THIẾT BỊ ĐẦU TƯ

I. Trang thiết bị đầu tư 01 trạm truyền thanh vô tuyến FM

1. Máy phát thanh FM:

- Máy phát FM stereo công suất 50w đến 100W dải tần 54MHz - 68MHz
- Khối điều chế tín hiệu, các khối khuếch đại cao tần sử dụng linh kiện công nghệ mới, chất lượng cao, hoạt động ổn định.
- Các thông số kỹ thuật đạt tiêu chuẩn TCVN
- Sử dụng nguồn dao động Switching.
- Có hệ thống kiểm soát, bảo vệ các thông số hoạt động bao gồm: Công suất phát, công suất phản xạ, nguồn DC.
- Tần số phát sóng có thể thay đổi trực tiếp bằng số trên mặt trước của máy.
- Nguồn cung cấp, hệ thống bảo vệ chỉ thị được sản xuất bằng linh kiện công nghệ mới, chất lượng cao.
- Có mạch chống sét đường nguồn đến 380V, mạch bắt đầu hoạt động khi điện áp lên 260V.

2. Hệ thống anten phát sóng FM 2 Dipol dải rộng:

- Anten phát sóng 2 Dipol bên trong là đồng và teflon, bên ngoài làm bằng vật liệu Inox không gỉ

3. Bộ thu tín hiệu FM không dây kỹ thuật số công suất 25Wx2 loa có giải mã tín hiệu:

- Công suất ra 25w x 2 loa, dải tần 54-68MHz, có giải mã đa tần 99 vùng điều khiển khác nhau, điều khiển ngắt mở theo từng vùng
- Bộ thu sóng FM chuyên dụng có độ nhạy cao, tần số ổn định, sử dụng khoá pha PLL kỹ thuật số sản xuất từ các nước công nghiệp phát triển G7
- Ngưỡng mở cụm thu làm việc và tắt cụm thu không làm việc luôn đạt 3dBV, độ nhạy toàn dải <math><1,5\mu V</math>.
- Dò tần và đặt mã bằng các phím nhấn trên mặt trước
- Có bộ nhớ lưu giữ các thông số hoạt động của máy thu khi mất điện.
- Hiện thị tần số thu, mã vùng, Kênh thu bằng đèn LED.
- Chức năng khoá chương trình sau khi thu được tín hiệu cũng như khoá toàn bộ điều khiển trên mặt máy.

- Có mạch chống sét đường nguồn đến 380V, mạch bắt đầu hoạt động khi điện áp lên đến 260V.
- 4. Radio cassette 01 ổ đĩa, 01 cửa băng CFD 350 Sony hoặc tương đương
- 5. Micro + chân đế
- 6. Ổ cắm Lioa loại 5 lỗ
- 7. Dây dẫn loa, loại dây đôi có cáp chịu lực 0,75mm x 2
- 8. Bộ chuyển mạch âm thanh 4 kênh Stereo:
 - Có 4 đường tín hiệu vào, 2 đường ra, 2 đường Mic vào
 - Có mạch chống sét đường nguồn, chống chập khi điện áp lên 380V
- 9. Bộ thu tín hiệu FM VOV qua vệ tinh băng KU.
 - 01 chảo thu R60 + chân đế chảo.
 - 01 đầu thu
 - 01 LNB kèm theo 20 m cáp dẫn tín hiệu.
- 10. Bộ mã điều khiển từ xa 99 nhóm vùng, linh kiện ngoại:
 - Mã hoá 99 vùng khác nhau điều khiển từ xa, sử dụng mã đa tần đảm bảo tính ổn định.
 - Menu điều khiển được hiển thị trên màn LCD cùng với bàn phím được bố trí ngay trước mặt máy.
 - Sử dụng hoàn toàn kỹ thuật số.
 - Có chức năng ghi tên cho từng vùng hiển thị trên màn LCD bằng các phím mềm trên mặt máy.
- 11. Hệ thống thu FM phát lại trực tiếp:
 - Đầu thu FM chuyên dụng có độ nhạy cao, kiểu dáng công nghiệp, kết cấu vững chắc.
 - Độ nhạy toàn dải FM.
 - Anten thu FM chuyên dụng làm bằng vật liệu chống gỉ, độ bền cao kèm theo 20m cáp dẫn sóng 75Ω, zắc và các phụ kiện đi kèm đồng bộ
 - Có mạch chống sét đường nguồn đến 380V, mạch bắt đầu hoạt động khi điện áp lên đến 360V.
- 12. Loa phóng thanh Poster 25W điện thông Việt Nam hoặc Trung Quốc SX
- 13. Cáp dẫn sóng 1/2'' 2 đầu zắc N
- 14. Cột anten tam giác 300 x 300 x 300 cao 21m có 3 tầng dây néo
- 15. Ổn áp Lioa dải rộng 2KVA 1 pha

16. Bộ cắt sét 1 pha

17. Bộ cắt lọc sét 1 pha

18. Hệ thống tiếp địa

19. Tủ đựng thiết bị 12U 19" bằng tôn, sơn tĩnh điện, có các ô chia để đặt thiết bị

II. Trang thiết bị đầu tư 01 trạm truyền thanh hữu tuyến

1. Máy tăng âm 1000 W

2. Radio cassette, 01 ổ đĩa, 01 cửa băng CFD 350 Sony hoặc tương đương.

3. Ổn áp Lioa dải rộng 5 KVA một pha

4. Bảng táp lô điện, cắt sét, tiếp địa dây, ổ cắm và đường truyền tín hiệu

5. Micro + chân đế

6. Ổ cắm Lioa loại 5 lỗ

7. Dây dẫn loa truyền thanh (loại cáp chuyên dùng cho truyền thanh)

8. Bộ chuyển mạch âm thanh 4 kênh Stereo

9. Loa phóng thanh 25 W Điện thông Việt Nam hoặc Trung Quốc SX

10. Biến áp phối hợp trở kháng loa

11. Cột dây dẫn loa và treo loa L63 x 6

12. Dây sắt mạ 02 ly

13. Hệ thống tiếp địa phòng máy

14. Dây đầu loa và biến áp loa

15. Sứ cách điện

16. Dây hãm cổ sứ

Biểu số 05:

DỰ TOÁN 01 TRẠM PHÁT THANH FM CẤP XÃ
(Công suất máy phát 100 W, tần số làm việc từ 54 MHz – 68 MHz)

Số TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (1000 đồng)	Thành tiền (1000 đồng)
1	Máy phát FM Stereo công suất 100W, dải tần 54MHz-68MHz	máy	01	50.000	50.000
2	Hệ thống anten phát sóng FM 1 Dipol dài rộng	Hệ thống	01	6.000	6.000
3	Bộ thu tín hiệu FM không dây, kỹ thuật số, công suất 25Wx2 có giải mã tín hiệu	Bộ	12	2.750	33.000
4	Card giải mã tín hiệu 20 nhóm vùng	Chiếc	12	300	3.600
5	Radio cassette, 01 cửa đĩa, 01 cửa băng CFD 350 Sony hoặc tương đương của Nhật Bản	Chiếc	01	2.000	2.000
6	Micro + chân đế	Bộ	01	350	350
7	Ô cắm LIOA 5 lỗ	Chiếc	01	120	120
8	Dây dẫn loa (dây đôi kèm theo cáp chịu lực 0,75 x 2)	m	400	7000	2.800
9	Bộ chuyển mạch âm thanh 4 kênh Stereo	Bộ	01	4.000	4.000
10	Bộ điều khiển từ xa 99 nhóm vùng, linh kiện ngoại	Bộ	01	12.000	12.000
11	Hệ thống thu FM, phát trực tiếp	Hệ thống	01	10.000	10.000
12	Loa phóng thanh 25W TQ	Chiếc	24	200	4.800

13	Cáp dẫn sóng có 2 đầu zắc	m	30	150	4.500
14	Cột anten tam giác 300x300x300 cao 21 m có 3 tầng dây néo	m	21	1.200	25.200
15	Ôn áp LIOA dài rộng 2KVA 1 pha	Chiếc	01	2.000	2.000
16	Hệ thống tiếp địa	Hệ thống	01	10.000	10.000
17	Tủ đựng thiết bị	Chiếc	01	3.000	3.000
18	Phí vận chuyển, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, bảo hành 12 tháng	Trạm	01	8.000	8.000
19	Dự phòng (10 %)				18.630
Cộng tổng dự toán				200.000	

(Bảng chữ: Hai trăm triệu đồng)

Ghi chú:

Hệ thống loa và cụm thu tín hiệu được treo nhờ trên cột điện hoặc cột gỗ do địa phương lựa chọn, không đưa vào dự toán.

Biểu số 06:**DỰ TOÁN 01 TRẠM TRUYỀN THANH HỮU TUYẾN CÓ DÂY CÁP XÃ**
(Cho 01 xã có diện tích vừa và nhỏ với độ dài đường dây bằng 10 km)

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá (1000 đ)	Thành tiền (1000 đ)
1	Máy tăng âm 1000 W	Máy	VN	1	22.000	22.000
2	Radiô cassette, 01 ổ đĩa, 01 cửa băng CFD 350 Sony hoặc tương đương của Nhật	Chiếc	LD	1	2.000	2.000
3	Ôn áp Lioa dài rộng 5 KVA 1 pha	Chiếc	VN	1	4.200	4.200
4	Bảng tập lô điện cắt sét, tiếp địa dây, ổ cắm, đường truyền tín hiệu	Bộ	VN	1	2.500	2.500
5	Micrô + chân đế	Bộ	TQ	1	350	350
6	Ổ cắm Lioa loại 5 lỗ	Chiếc	VN	1	120	120
7	Loa phóng thanh 25 W	Chiếc	VN	20	200	4.000
8	Bộ chuyển mạch âm thanh 4 kênh Stereo	Bộ	VN	1	4.000	4.000
9	Dây dẫn loa truyền thanh (loại chuyên dụng có cấp chịu lực)	m	VN	10000	25.000	250.000
10	Biến áp phối hợp trở kháng loa	Chiếc	VN	40	150	6.000
11	Cột dẫn dây loa và treo loa L63 x6 (Loại cột bê tông cốt thép)	Chiếc	VN	50	1.000	50.000
12	Dây mạ sắt 2 ly	kg	VN	20	20	400
13	Dây đầu loa và biến áp loa	m	VN	100	10	1.000

14	Sứ cách điện	Chiếc	VN	200	10	2.000
15	Dây hãm cổ sứ	m	VN	100	7	700
16	Chi phí vận chuyển, lắp đặt, kéo dây	HT				40.000
Dự phòng						39.000
Cộng						428.270

(Bảng chữ: Bốn trăm hai tám triệu hai trăm bảy mươi nghìn)

Ghi chú:

Nếu địa phương có phương án đi nhờ cột điện chiếu sáng hoặc cột điện thoại thì giảm phân chi phí đầu tư cột là: **50 triệu đồng**

Khi đó dự toán cho 01 trạm sẽ là: 378 triệu đồng (Làm tròn số)

Biểu 07:

**DỰ KIẾN PHÂN BỐ KINH PHÍ TỪ NGÂN SÁCH TỈNH
VÀ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN**

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Đơn vị	2012	2013	2014	2015	Tổng	Ghi chú
I Xây dựng đầu tư, nâng cấp							
1	Sơn Động	0	600	500	500	1.600	
2	Lục Ngạn	0	600	600	600	1.800	
3	Lục Nam	0	400	400	400	1.200	
4	Yên Thế	0	300	300	400	1.000	
5	Lạng Giang	0	200	200	200	600	
6	Yên Dũng	0	300	300	300	900	
7	Tân Yên	0	200	300	300	800	
8	Việt Yên	0	200	200	300	700	
9	Hiệp Hòa	0	200	200	300	700	
10	TP Bắc Giang	0	100	100	100	300	
	Cộng	0	3.100	3.100	3.400	9.600	
II Đào tạo, bồi dưỡng							
1	Số Thông tin và truyền thông	150	285	283	282	1.000	
III	Tổng cộng: (I+II)	150	3.385	3.383	3.682	10.600	

Biểu 08:

PHÂN KỲ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2012-2015 ĐÀI TRUYỀN THANH XÁ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

STT	Đơn vị	Tổng số xây dựng mới	Tổng số nâng cấp cải tạo	Phân kỳ đầu tư											
				Năm 2012			Năm 2013			Năm 2014			Năm 2015		
				Xây mới	Nâng cấp	Tổng	Xây mới	Nâng cấp	Tổng	Xây mới	Nâng cấp	Tổng	Xây mới	Nâng cấp	Tổng
1	Tỉnh Bắc Giang	15	141	0	10	05	40	05	45	05	46				
2	TP Bắc Giang	0	02	0	0	0	2	0	0	0	0				
3	Huyện Yên Thế	0	13	0	1	0	3	0	4	0	5				
4	Huyện Tân Yên	0	21	0	1	0	5	0	6	0	9				
5	Huyện Lạng Giang	0	12	0	1	0	3	0	4	0	4				
6	Huyện Lục Nam	0	19	0	1	0	5	0	6	0	7				
7	Huyện Lục Ngạn	0	22	0	0	0	6	0	7	0	9				
8	Huyện Sơn Động	0	18	0	0	0	6	0	6	0	6				
9	Huyện Yên Dũng	15	06	0	1	5	2	5	2	5	1				
10	Huyện Việt Yên	0	16	0	4	0	5	0	7	0	0				
11	Huyện Hiệp Hòa	0	12	0	1	0	3	0	3	0	5				

Biểu số 09:

**DANH SÁCH ĐÀI TRUYỀN THANH CÁC XÃ, THỊ TRẤN
DỰ KIẾN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỚI, CẢI TẠO, NÂNG CẤP
(Giai đoạn 2012 – 2015)**

STT	Đơn vị	Chất lượng thiết bị còn tốt	Chất lượng thiết bị kém đề nghị	
			Xây mới	Cải tạo, nâng cấp
I.	THÀNH PHỐ BẮC GIANG			
1	Phường Lê Lợi			X
2	Phường Trần Phú			X
3	Phường Ngô Quyền	X		
4	Phường Thọ Xương	X		
5	Phường Trần Nguyên Hãn	X		
6	Phường Mỹ Độ	X		
7	Phường Hoàng Văn Thụ	X		
8	Xã Dĩnh Kế	X		
9	Xã Xương Giang	X		
10	Xã Đa Mai	X		
11	Xã Song Mai	X		
12	Xã Dĩnh Trì	X		
13	Xã Tân Mỹ	X		
14	Xã Song Khê	X		
15	Xã Đông Sơn	X		
16	Xã Tân Tiến	X		
II	HUYỆN LỤC NAM			
1	Xã Đông Hưng			X
2	Xã Chu Điện			X
3	Xã Bảo Đài			X
4	Xã Yên Sơn			X
5	Xã Lan Mẫu			X
6	Xã Vũ Xá			X
7	Thị trấn Đồi Ngô			X
8	Xã Nghĩa Phương			X
9	Xã Tiên Hưng			X
10	Xã Khám Lạng	X		
11	Xã Đan Hội	X		
12	Xã Bắc Lũng	X		
13	Xã Thanh Lâm	X		
14	Xã Bình Sơn	X		
15	Xã Huyền Sơn	X		
16	Xã Đông Phú	X		

17	Xã Bảo Sơn	X		
18	Xã Trường Sơn			X
19	Xã Cương Sơn			X
20	Xã Lục Sơn			X
21	Thị trấn Lục Nam			X
22	Xã Cẩm Lý			X
23	Xã Vô Tranh			X
24	Xã Tam Dị			X
25	Xã Trường Giang			X
26	Xã Tiên Nha			X
27	Xã Phương Sơn			
III	HUYỆN LỤC NGẠN			
1	Xã Cẩm Sơn			X
2	Xã Biên Sơn			X
3	Xã Đèo Gia			X
4	Xã Hộ Đáp			X
5	Xã Hồng Giang			X
6	Xã Phong Minh			X
7	Xã Kiên Lao			X
8	Xã Kim Sơn			X
9	Xã Kiên Thành			X
10	Xã Mỹ An			X
11	Xã Tân Lập			X
12	Xã Nam Dương			X
13	Xã Tân Hưng			X
14	Xã Trù Hựu			X
15	Xã Phong Vân			X
16	Xã Phú Nhuận			X
17	Xã Phượng Sơn			X
18	Xã Sa Lý			X
19	Xã Sơn Hải			X
20	Xã Tân Mộc			X
21	Xã Nghĩa Hồ			X
22	Thị trấn Chũ			
23	Xã Giáp Sơn	X		
24	Xã Đồng Cốc	X		
25	Xã Phi Điền	X		
26	Xã Tân Hoa	X		
27	Xã Biên Động	X		
28	Xã Quý Sơn	X		
29	Xã Thanh Hải	X		
30	Xã Tân Quang	X		

IV	HUYỆN LẠNG GIANG			
1	Thị trấn Kép			X
2	Xã Hương Sơn			X
3	Xã An Hà	X		
4	Xã Nghĩa Hưng			X
5	Xã Đào Mỹ	X		
6	Xã Tiên Lục	X		
7	Xã Tân Thanh			X
8	Thị trấn Vôi			X
9	Xã Yên Mỹ	X		
10	Xã Hương Lạc			X
11	Xã Tân Hưng			X
12	Xã Xương Lâm	X		
13	Xã Đại Lâm	X		
14	Xã Thái Đào			X
15	Nghĩa Hòa			X
16	Xã Tân Thịnh	X		
17	Xã Xuân Hương			X
18	Xã Quang Thịnh	X		
19	Xã Tân Dĩnh			X
20	Xã Phi Mô	X		
21	Xã Dương Đức	X		
22	Xã Mĩ Hà			X
23	Xã Mỹ Thái	X		
V	HUYỆN TÂN YÊN			
1	Thị trấn Cao Thượng			X
2	Xã Quế Nham			X
3	Xã Việt Lập			X
4	Xã Cao Xá			X
5	Xã Ngọc Thiện			X
6	Xã Ngọc Lý			X
7	Xã Ngọc Châu			X
8	Xã Ngọc Vân			X
9	Xã Tân Trung			X
10	Xã An Dương			X
11	Xã Lan Giới			X
12	Xã Nhã Nam			X
13	Xã Đại Hóa			X
14	Xã Quang Tiên			X
15	Xã Phúc Sơn			X
16	Xã Lam Côt			X
17	Xã Việt Ngọc			X

18	Xã Song Vân			X
19	Xã Liên Sơn			X
20	Xã Cao Thượng			X
21	Xã Nhã Nam			X
22	Xã Liên Chung	X		
23	Xã Hợp Đức	X		
24	Xã Phúc Hòa	X		
VI	HUYỆN YÊN THẾ			
1	Xã Xuân Lương	X		
2	Xã Canh Nậu	X		
3	Xã Đồng Vương			X
4	Xã Đồng Tiến	X		
5	Xã Tam Tiến	X		
6	Xã Tiên Thắng			X
7	Xã Tân Hiệp	X		
8	Xã Tam Hiệp			X
9	Xã An Thượng	X		
10	Xã Phồn Xương			X
11	Thị trấn Cầu Gồ			X
12	Xã Đông Tâm			X
13	Xã Đông Lạc			X
14	Xã Tân Sỏi			X
15	Xã Bồ Hạ			X
16	Xã Đông Hưu			X
17	Xã Hương Vĩ			X
18	Xã Đông Kỳ			X
19	Xã Hồng Kỳ	X		
20	Xã Đông Sơn	X		
21	Thị trấn Bồ Hạ			X
VII	HUYỆN YÊN DŨNG			
1	Thị trấn Neó		X	
2	Thị trấn Tân Dân			X
3	Xã Tư Mại		X	
4	Xã Đức Giang		X	
5	Xã Tiên Dũng		X	
6	Xã Cảnh Thụy			X
7	Xã Lãng Sơn		X	
8	Xã Trí Yên		X	
9	Xã Lão Hộ			X
10	Xã Xuân Phú		X	
11	Xã Tiên Phong		X	
12	Xã Yên Lư		X	

13	Xã Quỳnh Sơn		X	
14	Xã Hương Gián		X	
15	Xã Nội Hoàng			X
16	Xã Nham Sơn			X
17	Xã Thắng Cương		X	
18	Xã Tân An		X	
19	Xã Đông Phúc		X	
20	Xã Đông Việt			X
21	Xã Tân Liễu		X	
VIII	HUYỆN VIỆT YÊN			
1	Thị trấn Bích Động	X		
2	Thị Trấn Nénh			X
3	Xã Bích Sơn			X
4	Xã Hoàng Ninh			X
5	Xã Hồng Thái			X
6	Xã Minh Đức			X
7	Xã Nghĩa Chung			X
8	Xã Quang Châu			X
9	Xã Quảng Minh			X
10	Xã Tăng Tiến			X
11	Xã Tiên Sơn			X
12	Xã Trung Hòa			X
13	Xã Tự Lạn	X		
14	Xã Thượng Lan			X
15	Xã Hương Mai			X
16	Xã Vân Hà			X
17	Xã Việt Tiến			X
18	Xã Vân Trung			X
19	Xã Ninh Sơn	X		
IX	HUYỆN HIỆP HÒA			
1	Thị trấn Thắng			X
2	Xã Bắc Lý			X
3	Xã Châu Minh			X
4	Xã Đại Thành			X
5	Xã Danh Thắng	X		
6	Xã Đoan Bái	X		
7	Xã Đông Lỗ	X		
8	Xã Đông Tân			X
9	Xã Đức Thắng	X		
10	Xã Hòa Sơn	X		
11	Xã Hoàng An			X
12	Xã Hoàng Thanh			X

13	Xã Hoàng Vân	X		
14	Xã Hợp Thịnh			X
15	Xã Hùng Sơn	X		
16	Xã Hương Lâm			X
17	Xã Lương Phong	X		
18	Xã Mai Đình	X		
19	Xã Mai Trung	X		
20	Xã Ngọc Sơn	X		
21	Xã Quang Minh	X		
22	Xã Thái Sơn			X
23	Xã Thanh Vân	X		
24	Xã Thường Thắng	X		
25	Xã Xuân Cầm			X
26	Xã Hoàng Lương			X
X	HUYỆN SƠN ĐỘNG			
1	Thị trấn An Châu			X
2	Xã An Bá			X
3	Xã An Lập			X
4	Xã Bồng Am			X
5	Xã Cầm Đàn			X
6	Xã Chiên Sơn			X
7	Xã Dương Hưu			X
8	Xã Giáo Liên			X
9	Xã Hữu Sản			X
10	Xã Lệ Viễn			X
11	Xã Long Sơn			X
12	Xã Quế Sơn			X
13	Xã Thanh Luận			X
14	Xã Tuấn Đạo			X
15	Xã Vân Sơn			X
16	Xã Vĩnh Khương			X
17	Xã Tuấn Mậu			X
18	Xã Thạch Sơn	X		
19	Xã Thanh Sơn	X		
20	Xã Phúc Thắng	X		
21	Xã An Châu	X		
22	Xã Yên Định	X		
23	Xã An Lạc			X